

Số: /GPMT-CNCCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### **BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHỆ CAO VÀ KHU CÔNG NGHIỆP**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 25/02/2025 của HĐND thành phố Hà Nội về việc thành lập, tổ chức lại các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội;*

*Xét đề nghị của Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ CMC tại Văn bản số 130/2025/CV-CMC ngày 15/5/2025 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Tổ hợp nghiên cứu, đổi mới sáng tạo CMC” tại Lô RD6-4, RD6-5, RD6-6, RD6.2-CX2 và RD6-7 – Khu nghiên cứu và triển khai (Khu R&D), khu CNC Hòa Lạc (gọi tắt là Dự án);*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Xây dựng và Môi trường.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ CMC, địa chỉ trụ sở chính tại: CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án: “Tổ hợp nghiên cứu, đổi mới sáng tạo CMC” với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án:**

- Tên dự án: “Tổ hợp nghiên cứu, đổi mới sáng tạo CMC”.
- Địa điểm hoạt động: Lô RD6-4, RD6-5, RD6-6, RD6.2-CX2 và RD6-7 – Khu nghiên cứu và triển khai (Khu R&D), khu CNC Hòa Lạc .
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0100244112 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 07/02/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 9/04/2025.
- Mã số thuế: 0100244112

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: lĩnh vực công nghệ thông tin bao gồm dịch vụ điện toán đám mây, an toàn thông tin, an toàn mạng, bảo mật thông tin, các sản phẩm phần mềm..., công nghệ mới AI.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án:

- Diện tích khu đất: 38.846 m<sup>2</sup> (Theo Quyết định số 71/QĐ- CNCCN về việc phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 do Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp cấp ngày 27/03/2025).

- Tổng mức đầu tư: 2.286.512.000.000 đồng (Hai nghìn hai trăm tám mươi sáu tỷ, năm trăm mười hai triệu đồng).

- Quy mô: Dự án tương đương Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm III (theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

- Công suất:

Dự án thiết kế không gian làm việc cho khoảng 2365 người bao gồm: Khối Hạ tầng số công nghệ cao (Data center) và Khối Trung tâm nghiên cứu trong đó:

+ Khối hạ tầng số công nghệ cao gồm: Khu nhà lưu trữ và vận hành các hệ thống máy chủ (server) và các chức năng phụ trợ bao gồm 02 Tòa nhà (BLD, BLE) có quy mô giống nhau, mỗi tòa có 6 tầng và 1 tầng kỹ thuật. Thiết kế 02 Tòa nhà với tổng công suất: 2200 Rack (mỗi tòa bố trí 1100 Rack).

+ Khối Trung tâm nghiên cứu R&D bao gồm 03 tòa nhà riêng biệt (BLA: 6 tầng, 1 tầng hầm và 1 tầng kỹ thuật; BLB và BLC: 6 tầng và 1 tầng kỹ thuật) bao gồm các chức năng: Trung tâm R&D và ứng dụng Điện toán đám mây; Trung tâm R&D và ứng dụng An ninh thông tin, kết hợp các công nghệ lõi; Trung tâm R&D và ứng dụng Công nghệ lõi, công nghệ phát triển phần mềm (nhu cầu mảng này là chủ yếu); Trung tâm R&D và ứng dụng Công nghệ tổng hợp (gồm các công nghệ lõi, công nghệ mới, công nghệ phát triển phần mềm)

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ CMC:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

## 2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội để được hướng dẫn.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

**Điều 4.** Phòng Xây dựng và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

### **Nơi nhận:**

- UBND Thành phố
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP
- Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội (để ph/h);
- UBND xã Hòa Lạc;
- Phòng CS&TT (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Các phòng: QLDN, HT&ĐT;
- Công ty cổ phần tập đoàn công nghệ CMC;
- Lưu: VT, XDMT.

**KT. TRƯỞNG BAN  
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**Đinh Trần Quân**

**PHỤ LỤC 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025  
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Nguồn phát sinh nước thải:
- + Nguồn thải số 01: Nước thải từ chậu rửa chân tay khối trung tâm nghiên cứu (Nước thải xám);
- + Nguồn thải số 02: Nước thải nhà bếp, căn tin từ khối trung tâm nghiên cứu;
- + Nguồn thải số 03: Nước thải từ xí tiêu từ khối trung tâm nghiên cứu (Nước thải đen);
- + Nguồn thải số 04: Nước sục rửa bình lọc bể bơi;
- + Nguồn thải số 05: Nước thải từ xí tiêu từ khối hạ tầng số công nghệ cao (Nước thải đen);
- + Nguồn thải số 06: Nước thải từ sục rửa chiller từ khối hạ tầng số công nghệ cao;
- Lưu lượng xả nước thải tối đa:
- + Dòng nước thải số 01 (Dòng nước thải từ nguồn số 01, 02, 03,04): 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Dòng nước thải số 02 (Dòng nước thải từ nguồn số 05): 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- + Dòng nước thải số 03 (Dòng nước thải từ nguồn số 06): 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Không thuộc đối tượng cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghệ cao Hòa Lạc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường).

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

Thiết kế hệ thống thu gom nước thải của dự án riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

**1.1. Mạng lưới thu gom, thoát nước thải:**

- Mạng lưới thu gom:
- + Hệ thống thu gom nước thải từ khối trung tâm nghiên cứu:  
Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải đen) → Bể tự hoại 3 ngăn (07 bể dung tích 18 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN200 (L=200m) → Bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nước thải từ chậu rửa chân tay (nước thải xám) → Đường ống PVC DN200 (L=55m) → Bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nước thải nhà bếp, căn tin → Đường ống PVC DN200 (L=20m) → bể tách mỡ (01 bể dung tích 31 m<sup>3</sup> và 02 bể dung tích 18 m<sup>3</sup>) → Bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- Nước sục rửa bình lọc bể bơi → Đường ống PVC DN150 (L=100m) → Bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Hệ thống thu gom nước thải từ khối hạ tầng số công nghệ cao:

Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải đen) → Bể tự hoại 3 ngăn (02 bể dung tích 5 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN200 (L=80m) → Bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải công suất 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải từ quá trình sục rửa chiller → Đường ống PVC DN200 (L=320m) → Bể thu gom của Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Thoát nước thải:

+ Nước thải từ khối trung tâm nghiên cứu:

Nước thải (từ nguồn số 01, 02, 03) → Bể tự hoại 3 ngăn (07 bể dung tích 18 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN200 (L=200m) →

Nước thải (từ nguồn số 04) → Đường ống PVC DN150 (L=100m) → Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm → Hồ ga thu gom (kt 1x1x1 m) → Đường ống D200 (L=167m) → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của khu CNC Hòa Lạc (qua 01 điểm đầu nối, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3°: X = 2 323 396; Y = 556 006)

+ Nước thải từ khối hạ tầng số công nghệ cao:

Nước thải (từ nguồn số 05) → Bể tự hoại 3 ngăn (02 bể dung tích 5 m<sup>3</sup>) → Đường ống PVC DN200 (L=80m) → Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm → Hồ ga thu gom (kt 1x1x1 m) → Đường ống D200 (L= 146m) → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của khu CNC Hòa Lạc (Qua 01 điểm đầu nối, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3°: X = 2 323 276; Y = 555 831)

Nước thải (từ nguồn số 06) → Đường ống PVC DN200 (L=320m) → Hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm → Hồ ga thu gom (kt 1x1x1 m) → Đường ống D200 (L=146m) → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của khu CNC Hòa Lạc (Qua 01 điểm đầu nối, theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°00', múi chiều 3° X = 2 323 276; Y = 555 831;)

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ khối trung tâm nghiên cứu công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ và Nước sục rửa bình lọc bể bơi → Bể thu gom nước thải (kt 1,0x2,7x4,15 m) → Bể tách dầu mỡ (kt 3,85x0,65x4,15m) → Bể điều hòa (kt 6,25x2,9x4,15m) → Bể thiếu khí (kt 2,4x6,225x4,15 m) → Bể hiếu khí (kt 4,85x4,8x4,15m) → ngăn trung gian tuần hoàn (kt 1,21x1,2x4,15m) → Bể lắng sinh học (kt 3,85x3,6x4,15m) → Bể khử trùng (kt 1,0x3,4x4,15m) → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của khu CNC Hòa Lạc.

+ Nước thải sinh hoạt từ khối hạ tầng số công nghệ cao công suất 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom nước thải (kt 1,0x1,8x3,65m) → Bể tách dầu mỡ (kt 1,0x1,8x3,65m) → Bể điều hòa (kt 2,9x2,0x3,65m) → Bể thiếu khí (kt 1,5x2,0x3,65m) → Bể hiếu khí (kt 3,1x2,5x3,65m) → ngăn trung gian tuần hoàn (kt 1,03x10,83x3,65m) → Bể lắng sinh học (kt 2,5x2,5x3,65m) → Bể khử trùng (kt 1,0x2,5x3,65m) → hồ ga tập trung (KT 1x1 x1m) → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của khu CNC Hòa Lạc.

+ Nước thải sục rửa chiller từ khối hạ tầng số công nghệ cao công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm:

Nước thải sục rửa chiller → Bể thu gom nước thải (kt 3,3x1,0x3,65m) → Bể điều hòa (kt

3,3x2,35x3,65m) → Bể keo tụ (kt 1,0x0,95x3,65m) → Bể tạo bông (kt 1,0x0,95x3,65m) → Bể lắng (kt 3,5x3,5x3,65m) → hố ga tập trung (KT 1x1 x1m) → Hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của khu CNC Hòa Lạc.

- Công suất hệ thống xử lý:

Nước thải khối trung tâm nghiên cứu công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Nước thải khối hạ tầng số công nghệ cao công suất 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Nước thải sục rửa chiller khối hạ tầng số công nghệ cao công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Hóa chất sử dụng: NaHCO<sub>3</sub>, Chất dinh dưỡng (Metanol), PAC, Polymer, Hóa chất điều chỉnh tăng pH (NaOH), Hóa chất điều chỉnh giảm pH (Axit HCl hoặc H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>), men vi sinh.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải; trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ mài mòn, thường xuyên bị hư hỏng để kịp thời thay thế khi gặp sự cố.

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Thời điểm dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Tháng 09 năm 2028.

- Thời điểm dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: Tháng 12 năm 2028.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm (01 hệ thống).

Hệ thống xử lý nước thải công suất 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm (01 hệ thống).

Hệ thống xử lý nước thải sục rửa chiller công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm (01 hệ thống).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải đầu vào: Tại bể thu gom của các hệ thống xử lý nước thải

- Mẫu nước thải đầu ra:

+ Tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm và hệ thống xử lý nước thải công suất 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Tại bể lắng của hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm

2.2.2. Thông số và giá trị giới hạn cho phép của các thông số:

- Thông số: Nhiệt độ, màu, pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, COD, sunfua, amoni, florua, tổng N, tổng P, Clorua, clo dư, dầu mỡ khoáng, sắt, mangan, As, Hg, Chì, Crom (III), Crom (VI), đồng, kẽm, niken, tổng phenol, coliform.

- Theo tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghệ cao Hòa Lạc (Quyết định số 66/QĐ-CNCHL ngày 28/6/2019 được sửa đổi bổ sung theo quyết định 206/QĐ-CNCHL ngày 31/10/2024 của Ban quản lý Khu CNC Hòa Lạc)

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu CNC Hòa Lạc, không xả trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu CNC Hòa Lạc để tiếp tục xử lý.

3.3. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành cơ sở.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7, 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải và các công trình ứng phó sự cố đối với nước thải.

**PHỤ LỤC 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025  
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ HTXLNT đặt tại khu vực ngoài trời cạnh khối BLA.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:** 01 dòng khí thải bao gồm:

- Dòng thải khí: Tương ứng với ống thoát khí hệ thống xử lý khí thải từ nguồn số 1 ra môi trường, lưu lượng xả lớn nhất 3.000 m<sup>3</sup>/giờ.

- Vị trí: Tại miệng ống khói sau khi qua hệ thống xử lý khí nằm trong khuôn viên của Dự án tại Lô RD6-4, RD6-5, RD6-6, RD6.2-CX2 và RD6-7 – Khu nghiên cứu và triển khai (Khu R&D), khu CNC Hòa Lạc. Tọa độ vị trí xả thải (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>00</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X= 2 323 497; Y= 555 937

- Phương thức xả thải: liên tục

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải sau xử lý đạt QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Kp=1,0; Kv=1,0) và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

Tt	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm <sup>3</sup>	50 <sup>(1)</sup>	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Hydro sunfua (H <sub>2</sub> S)	mg/Nm <sup>3</sup>	7,5 <sup>(1)</sup>		
3	Metyl mercaptan(CH <sub>3</sub> SH)	mg/Nm <sup>3</sup>	15 <sup>(2)</sup>		

Ghi chú:

+ <sup>(1)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT (Kp=1,0; Kv=1,0)

+ <sup>(2)</sup>: Giá trị giới hạn theo QCVN 20:2009/BTNMT

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom:

- Khí thải từ nguồn số 1:

Mùi phát sinh từ các bể xử lý → Chụp hút (D160) → Đường ống dẫn khí D250 (L=70m) → Tháp hấp phụ than hoạt tính → quạt hút → Ống thoát khí → Môi trường.



## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Mùi, khí thải → chụp hút → Đường ống D250 → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí ra môi trường (D200mm, h=4m) → Môi trường

+ Công suất của quạt hút: 3.000m<sup>3</sup>/giờ.

+ Tháp hấp phụ than hoạt tính, số lượng 01 tháp: Vật liệu nhựa PP chống ăn mòn; kích thước DxH=800x2500 mm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính.

## 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không

## 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động, bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc; thay thế các vật liệu xử lý theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ công nhân có kỹ thuật tốt, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra;

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Thời điểm dự kiến bắt đầu vận hành thử nghiệm: Tháng 09 năm 2028.

- Thời điểm dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm: Tháng 12 năm 2028.

## 2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: tại ống thoát khí thải theo vị trí được cấp phép tại phần A phụ lục này.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Chất ô nhiễm: Amoniac và các hợp chất amoni<sup>(1)</sup>; Hydro sunfua (H<sub>2</sub>S)<sup>(1)</sup>; Metyl mercaptan(CH<sub>3</sub>SH)<sup>(2)</sup>

- Giá trị giới hạn cho phép:

<sup>(1)</sup> theo QCTĐHN 01:2014/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội ( Kp=1,0; Kv=1,0).

<sup>(2)</sup> theo QCVN 20:2009/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

## 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung tại điểm c Khoản 8 Điều 1 Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý bụi, khí thải của cơ sở.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.4. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải cho cơ quan cấp giấy phép môi trường trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải để theo dõi, giám sát.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7,8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải gửi Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày.

3.7. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý khí thải và các công trình ứng phó sự cố đối với khí thải; Bố trí điểm quan trắc khí thải sau xử lý, sàn công tác đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định.

**PHỤ LỤC 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025  
của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung từ các máy thổi khí máy bơm, máy thổi khí và các thiết bị được lắp đặt tại HTXLNT công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung từ các máy thổi khí máy bơm, máy thổi khí và các thiết bị được lắp đặt tại HTXLNT công suất 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

+ Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung từ các máy thổi khí máy bơm, máy thổi khí và các thiết bị được lắp đặt tại HTXLNT công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn số 01: Phát sinh từ HTXLNT công suất 180 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup> múi chiều 3<sup>0</sup>: X= 2 323 490; Y= 555 940

+ Nguồn số 02: Phát sinh từ HTXLNT công suất 8 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup> múi chiều 3<sup>0</sup>: X= 2 323 409; Y= 555 760

+ Nguồn số 03: Phát sinh từ HTXLNT công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105<sup>0</sup> múi chiều 3<sup>0</sup>: X= 2 323 420; Y= 555 769

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	Khu vực thông thường

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

**1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

**PHỤ LỤC 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>KL dự kiến (kg/năm)</b>
1	Găng tay giẻ lau dính chất thải nguy hại dầu mỡ từ quá trình bảo dưỡng bảo trì công trình	18 02 01	240
2	Hộp chứa mực in thải	08 02 01	6
3	Pin ắc quy thải	16 01 12	72
4	Các thiết bị linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	324
5	Bao bì thải cứng bằng nhựa	18 01 03	180
6	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	840
7	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	90
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.752</b>

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 242,34 tấn/năm, trong đó:

<b>TT</b>	<b>Loại chất thải</b>	<b>Khối lượng (tấn/năm)</b>
1	Bìa các tông, bao bì không chứa thành phần nguy hại, các thùng nhựa hỏng không chứa thành phần nguy hại	0,91
2	Bình lọc cát, sỏi, than hoạt tính	0,09
3	Bùn thải từ bể tự hoại	222
4	Bùn thải từ các hệ thống xử lý nước thải	19,34
<b>TỔNG</b>		<b>242,34</b>

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh lớn nhất khoảng 425 tấn/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 7 thùng chuyên dụng dung tích 60 ÷ 120 lít, có nắp đậy, dán nhãn và có dấu hiệu cảnh báo theo quy định. Thiết bị lưu chứa bảo đảm lưu giữ an toàn

chất thải nguy hại, không bị hư hỏng, rách vỡ vỡ; ngăn chất thải rò rỉ hoặc bay hơi; kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng.

#### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 01 kho, diện tích là 16 m<sup>2</sup> (kích thước 4x4m) đặt tại phía tây bắc của dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Kho được bố trí thùng chứa để riêng biệt theo từng loại CTNH có dán nhãn cảnh báo theo đặc tính nguy hại của chất thải. Bên ngoài khu lưu trữ chất thải được gắn các biển cảnh báo theo quy định.

#### 2.1.3. Biện pháp quản lý: Lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường khác lưu chứa tại kho có diện tích 10m<sup>2</sup> (kích thước 4x2,5m) đặt tại khu vực phía Tây Bắc dự án. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải phát sinh từ dự án theo đúng quy định

+ Khối lượng bùn thải phát sinh từ HTXLNT khoảng 19,34 tấn/năm lưu chứa tại bể chứa bùn

+ Khối lượng bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại khoảng 148 m<sup>3</sup>/năm(≈222 tấn/năm) lưu chứa tại các bể tự hoại của các khối nhà.

#### 2.2.2. Khu vực lưu chứa:

+ Khối lượng chất thải rắn thông thường khác lưu chứa tại kho có diện tích 10m<sup>2</sup> (kích thước 4x2,5m) đặt tại khu vực phía Tây Bắc dự án. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom và xử lý chất thải phát sinh từ dự án theo đúng quy định

+ Khối lượng bùn thải phát sinh từ HTXLNT được chứa tại bể chứa bùn của các hệ thống xử lý nước thải, định kỳ 3 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

+ Khối lượng bùn cặn phát sinh từ bể tự hoại được chứa tại các bể tự hoại của các khối nhà, định kỳ 4 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định.

#### 2.2.3. Biện pháp quản lý: Lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy dung tích 30 – 60 –120 lít

#### 2.3.2. Khu lưu giữ:

- Diện tích 22m<sup>2</sup>, đặt tại phía tây bắc của dự án.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ: nằm phía Tây bắc dự án, tường bao quanh, có mái che, nền đổ bê tông, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.3.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với quản lý chất thải; các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải:

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khu lưu giữ chất thải nguy hại đáp ứng các quy định tại Điều 35 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

**PHỤ LỤC 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-CNCCN ngày / /2025 của Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:**

1. Thực hiện nghiêm túc các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

5. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu khác của đơn vị quản lý hệ thống thoát nước của thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đề nghị cấp lại, cấp điều chỉnh, cấp đổi giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 44 Luật Bảo vệ môi trường.

8. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2026/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

9. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện các quy định hiện hành./.